

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(Về biến động kết quả kinh doanh của Quý IV năm 2021 so với Quý IV năm 2020)

Kính gửi:

Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (gọi tắt là “Công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của Quý IV năm 2021 (kỳ báo cáo) so với Quý IV năm 2020 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV		Tăng/(giảm) VND	%	Nguyên nhân
			Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)			
1	2	4	5	6	7	8	9
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	15.088.332.059	16.750.363.871	-1.662.031.812	-9,92%	Doanh thu Quý IV/2021 giảm 9,92% so với cùng kỳ năm trước do:
	Trong đó:						
	Doanh thu nước		14.066.846.544	14.104.694.432	-37.847.888	-0,27%	(i) Doanh thu nước Quý IV/2021 giảm 0,27% do: giảm số lượng khách hàng sử dụng dẫn đến sản lượng tiêu thụ nước giảm so với cùng kỳ
	Doanh thu từ phí BVMT giữ lại đối với nước thải sinh hoạt		127.880.424	127.233.906	646.518	0,51%	(ii) Đơn vị ghi nhận vào doanh thu phí bảo vệ môi trường được giữ lại theo nội dung tại nghị định 53/2020/NĐ-CP thay vì ghi nhận vào thu nhập khác như trước đây.
	Doanh thu lắp đặt		435.965.077	371.721.117	64.243.960	17,28%	(iii) Doanh thu lắp đặt tăng 17,28% so với kỳ so sánh;
	Doanh thu bán vật tư nước		457.640.014	2.146.714.416	-1.689.074.402	-78,68%	(iv) Doanh thu bán vật tư giảm 78,68% so với kỳ so sánh.
2.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	15.088.332.059	16.750.363.871	-1.662.031.812	-9,92%	
3.	Giá vốn hàng bán	11	12.226.540.527	13.395.843.260	-1.169.302.733	-8,73%	Giá vốn giảm 8,73% so với kỳ so sánh do: Quý IV/2021 không phát sinh chi phí giá vốn bán vật tư.
4.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	2.861.791.532	3.354.520.611	-492.729.079	-14,69%	
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	826.486	93.265.823	-92.439.337	-99,11%	Giảm so 99,11% so với cùng kỳ năm trước do giảm thu nhập từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá.

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý IV		Tăng/(giảm) VND	%	Nguyên nhân
			Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)			
1	2	4	5	6	7	8	9
6.	Chi phí tài chính	22	55.420.863	0	55.420.863		Tăng chi phí tài chính do: Trả lãi vay và nợ gốc vay; Chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại tiền tệ có gốc ngoại tệ.
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	25.951.562	0	25.951.562		
7.	Chi phí bán hàng	24	0	-	-		
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.008.626.700	2.442.327.164	-433.700.464	-17,76%	Giảm 17,76% so với kỳ so sánh do Quý IV/2021 không trích trước chi phí thường cuối năm.
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	798.570.455	1.005.459.270	-206.888.815	-20,58%	
10.	Thu nhập khác	31	239.713.600	0	239.713.600		Tăng so với kỳ so sánh do vật tư thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.
11.	Chi phí khác	32	181.818.182	269.847.239	-88.029.057	-32,62%	
12.	Lợi nhuận khác	40	57.895.418	-269.847.239	327.742.657		
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	856.465.873	735.612.031	120.853.842	16,43%	Lợi nhuận tăng do ảnh hưởng của các nguyên nhân trên
14.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	171.293.175	32.948.377	138.344.798	419,88%	
15.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	685.172.698	702.663.654	-17.490.956	-2,49%	

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Hùng

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Lệ Quế